



CÔNG TY HOA TIÊU TÂN CẢNG

KẾ HOẠCH DẪN TÀU 20/07/2025 (Chủ Nhật)

LỊCH THỦY TRIỀU

Mực nước	Vũng Tàu	Cát Lái	Dòng chảy
2.6	21:32	00:15	↙
2.1	01:43	05:30	↗
3.2	08:03	11:00	↙
0.7	15:41	19:30	↗
2.8	23:21	02:00	↙

STT	Hoa tiêu	Tàu đến	M.n	C.đài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	Trung	MAERSK NORBERG	9.4	172	25,514	P/s3 - CL4-5	01:00	//0400	A1-A5
2	N.Cường	SINAR SUNDA	9.8	172	20,441	P/s3 - CL7	07:00	//1030	A2-A3
3	Đ.Toàn - Chính	MAERSK JIANGYIN	10.1	222	28,007	P/s3 - CL5	07:30	//1030	A5-A6
4	Uy	CATLAI EXPRESS	9.2	172	18,848	P/s3 - BNPH1	07:30	//	A1-DT07
5	Đ.Long - Duy	JOSCO JANE	8.7	146	9,972	P/s3 - CL4-5	14:30	//1730	A3-08
6	Vinh - M.Hùng	SITC GUANGDONG	9.4	172	17,360	P/s3 - CL4	15:00	//1700	A1-A3
7	Tân	AMOUREUX	8.3	172	17,785	P/s3 - CL1	16:00	//1900	A2-A6
8	P.Tuấn	EVER OUTWIT	10.3	195	27,025	P/s3 - CL4-5	21:30	//0030	
9	Đức - Quyền	INDEPENDENT SPIRIT	10.5	209	26,435	P/s3 - CL3	22:00	Cano DL	
10	Quang	INSIGHT	9.6	172	17,888	P/s3 - CL4	22:30	//0130	
11	Hồng	TASCO PHOENIX	5.1	78	1,523	CR - P/S	06:00	QTCR	
12	V.Hải	SITC MINGDE	9.5	172	18,820	P/s3 - CL1	00:30	//0200	A3-DT07

STT	Hoa tiêu	Tàu Cái Mép	M.n	C.đài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	Nhật - N.Dũng	COSCO PORTUGAL	11.7	366	153,666	CM4 - P/s3	01:00	MT-3NM-VTX	TCA9-TCA10-SF1
2	M.Hải	MARINA ONE	8.4	222	28,007	P/s3 - CM4	03:00	MT-VTX	TCA9-TCA10
3	Quân	BRIGHT SAKURA	10.75	186	29,622	P/s3 - CM4	04:30	MT-VTX	TCA9-TCA10
4	N.Tuấn - Duyệt	SEASPAN BREEZE	12.5	337	113,042	CM3 - P/s3	07:00	MT-VTX	MR-KS-AWA
5	K.Toàn	MARINA ONE	10.5	222	28,007	CM4 - P/s3	14:30	MT-VTX	TCA9-TCA10
6	H.Trường	HAIAN EAST	9.5	183	18,102	P/s3 - CM1	16:00	MT	MR-KS
7	A.Tuấn	BRIGHT SAKURA	10.7	186	29,622	CM4 - P/s3	18:00	MT-VTX	TCA9-TCA10
8	Thịnh - P.Thùy	COSCO SHIPPING PEONY	13	366	143,179	P/s3 - CM4	21:00	MT-VTX	TCA9-TCA10-SF1

STT	Hoa tiêu	Tàu đi	M.n	C.dài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	Đ.Minh	KANWAY LUCKY	9.6	172	18,526	BP7 - P/s3	23:00	LT	A3-A6
2	Giang	SINOTRANS TIANJIN	7.8	144	9,930	CL4-5 - P/s3	04:00	LT	A2-08
3	P.Hung	WAN HAI 353	9.6	204	30,519	CL5 - P/s3	09:30		A5-A6
4	Phú - H.Thanh	SITC SHANDONG	9.1	172	17,119	CL7 - P/s3	11:00		A1-A3.
5	N.Chiến - Hoàn	SITC JIADE	9.3	172	18,848	TCHP - H25	13:00	SR	01-SG96
6	V.Hoàng - M.Cường	SITC CHUNMING	8.9	186	29,232	CL4 - P/s3	17:00		A5-A6
7	T.Tùng - Kiên	MAERSK NORBERG	8.5	172	25,514	CL4-5 - P/s3	17:30		A1-A5
8	V.Hải - N.Trường	SITC MINGDE	8.5	172	18,820	CL1 - P/s3	19:00		A2-A6



TAN CANG PILOT

PILOTING TO SUCCESS